

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH HỌC SINH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2018 - 2019

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
A	MẦM NON						
1	Bành Phú Quý	Lá	Mầm Non 1	27070010016HCN	quận khác	quận khác	
2	Nguyễn Song Tường Lam	Lá 1	Mầm Non 5	26989050210N02	HN	HN	
3	Đào Hồng Phúc	Lá 2	Mầm Non 5	26989050180HCN	HCN	HN	
4	Phan Nguyễn Gia Tuệ	Mầm 1	Mầm Non 6	26995060184N02	HCN	HN	
5	Nguyễn Hữu Minh Huy	Mầm 2	Mầm Non 6	26995030080HCN	HCN	HCN	
6	Nguyễn Hoàng Khánh Vân	Chồi 1	Mầm Non 6	26995030080HCN	HCN	HCN	
7	Phạm Minh Thịnh	Mầm 2	Mầm Non 10	26998070114N02	HN	HN	
8	Phạm Minh Thiên	Lá 1	Mầm Non 10	26998070114N02	HN	HN	
9	Bùi Hữu Cường	Lá 3	Mầm Non 12	26971030082HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
10	Nguyễn Gia Bảo	Chồi 3	Mầm Non 12	26983020016N02	HN	HN	
11	Trần Khánh Như	Chồi 3	MN Bầu Cát	27004030054HCN	HCN	HCN	
12	Trần Khánh Nhi	Chồi 3	MN Bầu Cát	27004030054HCN	HCN	HCN	
13	Phạm Quỳnh Trâm	Chồi 2	MN Bầu Cát	27004030059N02	HCN	HN	
14	Nguyễn Bảo Nguyên	Chồi 4	MN Bầu Cát	27004030061N02	HCN	HN	
15	Phạm Thị Xuân Mai	Lá 2	MN Bầu Cát	27004030048N3A	Nghèo 3A	HN	
16	Nguyễn Gia Thiện	Lá 4	MN Bầu Cát	27004020029N02	HN	HN	
17	Tạ Ngọc Minh Ngân	Lá 4	MN Tuổi Xanh	26995040099N02	HN	HN	
B	TIỂU HỌC						
1	Nguyễn Đức Tín	2/4	Trần Văn Ôn	26998040036N02	HN	HN	
2	Trần Thùy Tiên	3/4	Trần Văn Ôn	26998040021N02	HN	HN	
3	Lê Phạm Thanh Chiến	5/4	Trần Văn Ôn	26998050153N02	HN	HN	
4	Lê Minh Tuấn	4/3	Trần Văn Ôn	26998040039N02	HN	HN	
5	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1/6	Trần Văn Ôn	26998050076HCN	HCN	HCN	
6	Lê Huỳnh Thanh Trúc	3/3	Trần Văn Ôn	26998040055HCN	HCN	bán nhà	
7	Tạ Hoàng Phương Trân	3/3	Trần Văn Ôn	26998040060HCN	HCN	HN	
8	Nguyễn Bá Thiện	4/4	Trần Văn Ôn	26998040019HCN	HCN	HCN	
9	Nguyễn Thanh Tuấn	4/4	Trần Văn Ôn	26998040019HCN	HCN	HCN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
10	Lê Hoàng Gia Kiệt	3/3	Trần Văn Ôn	27001040082HCN	HCN	HCN	
11	Bùi Ngô Thùy Dung	4/3	Trần Văn Ôn	26998070118HCN	HCN	HN	
12	Phan Nguyễn Gia Khang	1/2	Bình Giã	26980030073N02	HN	HN	
13	Phan Nguyễn An Gia	2/2	Bình Giã	26980030073N02	HN	HN	
14	Phan Thiên Phú	4/3	Bình Giã	26980030073N02	HN	HN	
15	Trần Anh Kiệt	4/3	Bình Giã	26980020048N02	HN	HCN	
16	Bùi Thanh Dũng	5/2	Bình Giã	26980020043N02	HN	HN	
17	Nguyễn Tuấn Anh	5/2	Bình Giã	26980020055N02	HN	HCN	
18	Võ Hoàng Khánh Loan	5/3	Bình Giã	26980020049N02	HN	HN	
19	Trần Giác Minh	1/3	Bình Giã	26980040084HCN	HCN	HCN	
20	Trần Gia Thiên	4/1	Bình Giã	26980040084HCN	HCN	HCN	
21	Ngô Đình Khoa	4/2	Bình Giã	26980010018HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
22	Đỗ Hoàng Phúc	4/3	Bình Giã	26980020054HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
23	Trần Quốc Bảo	5/3	Bình Giã	26980040084HCN	HCN	HCN	
24	Mai Dương Khánh Ngọc	5/1	Nguyễn Thanh Tuyền	26965040069HCN	HCN	HN	
25	Mai Dương Khánh Phương	2/1	Nguyễn Thanh Tuyền	26965040069HCN	HCN	HN	
26	Nguyễn Thanh Đạt	3/3	Lê Thị Hồng Gấm	26992060296HCN	HCN	HCN	
27	Trần Đức Anh	1/5	Lê Thị Hồng Gấm	26992010003HCN	HCN	HCN	
28	Lê Ngọc Cẩm Tú	4/3	Lê Thị Hồng Gấm	26992050276HCN	HCN	HCN	
29	Nguyễn Phát Đạt	3/3	Bành Văn Trân	26989040146N02	HN	HN	
30	Nguyễn Trung Hiếu	5/3	Bành Văn Trân	26986030048HCN	HCN	HCN	
31	La Nghi Hân	5/3	Bành Văn Trân	26986040087N01	HN	HN	
32	Nguyễn Bá Khôi	5/5	Lê Văn Sỹ	26977050079HCN	HCN	HCN	
33	Nguyễn Thế Cường	3/1	Lê Văn Sỹ	26977010031HCN	HCN	HCN	
34	Chu Minh Khôi	4/4	Lê Văn Sỹ	26977040064HCN	HCN	HCN	
35	Hoàng Đăng Huy	1/1	Lê Văn Sỹ	26977020040HCN	HCN	HCN	
36	Nguyễn Cao Yến Vy	1/2	Lê Văn Sỹ	26977030048HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
37	Nguyễn Hoàng Bảo Phúc	3/4	Lê Văn Sỹ	198.GCN-HN-HCN	Ngoài Quận	Ngoài Quận	
38	Đinh Ngọc Thùy Tiên	1/1	Phạm Văn Hai	26995070329HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
39	Lê Nguyễn Minh Anh	1/5	Phạm Văn Hai	2698030086N02	HN	HN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
40	Cao Tấn Quốc	1/1	Chi Lăng	26995040097N02	HCN	HN	
41	Nguyễn Chí Công	1/2	Chi Lăng	26995010015N02	HN	HN	
42	Nguyễn Trần Khánh Vi	1/3	Chi Lăng	26995010029HCN	HCN	HCN	
43	Nguyễn Lê Hoàng Quân	1/3	Chi Lăng	620195418	Không còn nằm trong hộ nghèo	Không còn nằm trong hộ nghèo	
44	Võ Minh Tâm	3/1	Chi Lăng	27070010005HCN	quận khác	quận khác	
45	Hồ Thiên Lộc	5/2	Chi Lăng	26995030083N02	HN	HN	
46	Nguyễn Trần Thiên Ân	5/2	Chi Lăng	26995010029HCN	HCN	HCN	
47	Nguyễn Đăng Khôi	1/5	Hoàng Văn Thụ	26968030056N02	HN	HN	
48	Nguyễn Phương Trúc Linh	1/5	Hoàng Văn Thụ	26968030056N02	HN	HN	
49	Trịnh Gia Huy	2/1	Hoàng Văn Thụ	2696803081N02	HCN	HN	
50	Phạm Kim Bảo	1/1	Bạch Đằng	26995080262HCN	HCN	HCN	
51	Phan Nguyễn Anh Thư	1/2	Bạch Đằng	26995060184HCN	HCN	HN	
52	Huỳnh Hoàng Hải	1/4	Bạch Đằng	26995060204HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	Không còn nằm trong hộ nghèo	
53	Hồ Hải Anh	1/4	Bạch Đằng	26995060224HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	Không còn nằm trong hộ nghèo	
54	Phạm Nguyễn Gia Hân	1/4	Bạch Đằng	26995060226N02	HCN	HN	
55	Nguyễn Thiên Phúc	2/1	Bạch Đằng	26995060187N02	HN	HN	
56	Nguyễn Tường Vy	2/2	Bạch Đằng	26995060181HCN	HCN	HCN	
57	Phạm Minh Khang	2/3	Bạch Đằng	26995050142N02	HN	HN	
58	Nguyễn Minh Đăng	3/1	Bạch Đằng	26995060184HCN	HCN	HN	
59	Hà Ngọc Thiện	3/3	Bạch Đằng	26995060158N02	HN	HN	
60	Nguyễn Khánh Vy	3/3	Bạch Đằng	26995070246N02	HN	HN	
61	Từ Thanh Vy	4/2	Bạch Đằng	26995070255HCN	HCN	HN	
62	Nguyễn Tiến Thịnh		Bạch Đằng	26995070246N02	HN	HN	
63	Nguyễn Nhật Hưng		Bạch Đằng	26995070246N02	HN	HN	
C	THCS						
1	Phạm Gia Hưng	6/4	Trần Văn Đăng	26995050142N02	HN	HN	
2	Vũ Đức Khải	6/4	Trần Văn Đăng	26995060230N02	HN	HN	
3	Đinh Gia Phú	7/2	Trần Văn Đăng	26995070239HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
4	Nguyễn Minh Tuệ	7/3	Trần Văn Đăng	26995070246N02	HN	HN	
5	Nguyễn Anh Duy	8/1	Trần Văn Đăng	26995060218 HCN	HCN	HCN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
6	Nguyễn Trung Chiến	8/1	Trần Văn Đàng	26995060187N02	HN	HN	
7	Nguyễn Thành Danh	8/2	Trần Văn Đàng	26995060181HCN	HCN	HCN	
8	Vũ Lê Như Quỳnh	8/2	Trần Văn Đàng	26995060221N02	HN	HN	
9	Đỗ Tiến Sỹ	9/1	Trần Văn Đàng	26995060170N02	HN	HN	
10	Từ Chí Vỹ	9/1	Trần Văn Đàng	26995070255HCN	HCN	HN	
11	Tạ Minh Quân	9/2	Trần Văn Đàng	26995040099N02	HN	HN	
12	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	9/4	Trần Văn Đàng	26995070246N02	HN	HN	
13	Nguyễn Anh Khoa	9/4	Trần Văn Đàng	26995070238HCN	HCN	HCN	
14	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	6/4	Phạm Ngọc Thạch	26992050275HCN	HCN	HCN	
15	Nguyễn Lê Hoài Thương	6/4	Phạm Ngọc Thạch	26992020102HCN	HCN	HN	
16	Nguyễn Thị Thanh Thủy	6/4	Phạm Ngọc Thạch	26992050275HCN	HCN	HCN	
17	Nguyễn Hoàng Gia Huy	6/5	Phạm Ngọc Thạch	2699205087N02	HN	HN	
18	Vũ Quang Huy	6/6	Phạm Ngọc Thạch	26992020112HCN	HN	HN	
19	Nguyễn Thị Lan Phương	6/6	Phạm Ngọc Thạch	26992040229N02	Nghèo 3A	HN	
20	Nguyễn Võ Hoàng Quân	6/6	Phạm Ngọc Thạch	26992020104HCN	HCN	HCN	
21	Phạm Đức Duy	6/6	Phạm Ngọc Thạch	26992020043N02	HN	HN	
22	Trịnh Thị Mỹ Ái	7/2	Phạm Ngọc Thạch	26992020080HCN	HCN	HCN	
23	Phan Ngọc Cẩm Thy	7/3	Phạm Ngọc Thạch	26992020120HCN	HCN	HCN	
24	Phan Ngọc Cẩm Thơ	7/3	Phạm Ngọc Thạch	26992020120HCN	HCN	HCN	
25	Nguyễn Quốc Kiệt	7/3	Phạm Ngọc Thạch	26992020096HCN	HCN	HCN	
26	Lai Ngọc Yến	7/3	Phạm Ngọc Thạch	26992020072N01	HN	HN	
27	Lưu Vĩnh Phước Bảo Kính	7/4	Phạm Ngọc Thạch	269920203166N02	HN	HN	
28	Nguyễn Đình Anh Kha	7/4	Phạm Ngọc Thạch	26992020064N02	HN	HN	
29	Trịnh Thế Hiễn	7/4	Phạm Ngọc Thạch	226992020082N02	HN	HN	
30	Đỗ Trọng Phúc	8/2	Phạm Ngọc Thạch	26992020112N02	HN	HN	
31	Nguyễn Minh Cẩm	8/3	Phạm Ngọc Thạch	26992040199N02	HN	HCN	
32	Phạm Hồng Nguyên	8/3	Phạm Ngọc Thạch	26992020043N02	HN	HN	
33	Thái Thị Thúy Duy	8/4	Phạm Ngọc Thạch	26992020041N02	HN	HN	
34	Bành Tú Hân	8/6	Phạm Ngọc Thạch	26992020150HCN	HCN	HN	
35	Tôn Thất Bình	8/7	Phạm Ngọc Thạch	270040100006N02	HN	HN	
36	Nguyễn Khánh Hoàng	8/7	Phạm Ngọc Thạch	26992050269HCN	HCN	HN	
37	Tạ Gia Hưng	8/8	Phạm Ngọc Thạch	26992020094HCN	HCN	HCN	
38	Đoàn Ngọc Quỳnh Hương	8/8	Phạm Ngọc Thạch	26992040198HCN	HCN	HCN	
39	Trần Minh Thông	8/9	Phạm Ngọc Thạch	26992020052N02	HN	HN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
40	Trương Mỹ Quỳnh		Phạm Ngọc Thạch	26992030167HCN	HCN	HCN	
41	Nguyễn Thị Bích Phụng	9/2	Phạm Ngọc Thạch	26992020148HCN	HCN	HCN	
42	Hà Văn Hưng	9/2	Phạm Ngọc Thạch	26992020078HCN	HCN	HCN	
43	Ngô Minh Phát	9/3	Phạm Ngọc Thạch	26992060312HCN	HCN	HCN	
44	Nguyễn Thùy Thanh Mai	9/4	Phạm Ngọc Thạch	26992050243N01	HN	HN	
45	Nguyễn Ngọc Thanh Nghi	9/4	Phạm Ngọc Thạch	26992020128HCN	HCN	HCN	
46	Trương Minh Nhứt	9/5	Phạm Ngọc Thạch	26992030167HCN	HCN	HCN	
47	Lê Hoàng Vũ	9/7	Phạm Ngọc Thạch	26992020049HCN	HCN	HCN	
48	Nguyễn Mạnh Tuấn	9/7	Phạm Ngọc Thạch	27004030062HCN	HCN	HCN	
49	Mã Ngọc Bảo Trân	9/7	Phạm Ngọc Thạch	26992020062HCN	HCN	HN	
50	Ngô Thảo Như	9/5	Phạm Ngọc Thạch	26992010024HCN	HCN	HCN	
51	Lương Minh Châu	6/2	Quang Trung	26998050063N02	HCN	HN	
52	Trần Thùy Trang	6/5	Quang Trung	26998040021N02	HN	HN	
53	Vũ Quốc Bình	6/6	Quang Trung	26998070151N02	HCN	HN	
54	Bùi Ngô Thành Đạt	6/8	Quang Trung	26998070118N02	HCN	HN	
55	Nguyễn Thái Quốc	7/3	Quang Trung	26998050076HCN	HCN	HCN	
56	Huỳnh Trần Thu Hoa	7/5	Quang Trung	36998070116N02	HN	HN	
57	Nguyễn Thu Nguyệt	7/5	Quang Trung	27004010021N02	HN	HN	
58	Lê Minh Thông	7/7	Quang Trung	26998070114N02	HN	HN	
59	Nguyễn Hồng Tiên	7/7	Quang Trung	27004010021N02	HN	HN	
60	Trương Võ Thanh Quyên	8/2	Quang Trung	27001030048N02	HCN	HN	
61	Hồ Thanh Thảo	8/2	Quang Trung	26998040033HCN	HCN	HCN	
62	Trương Võ Tài Trí	8/3	Quang Trung	27001030048N02	HCN	HN	
63	Phạm Ngọc Hồng	8/4	Quang Trung	26998070128HCN	HCN	HN	
64	Huỳnh Nhật Minh	8/4	Quang Trung	27001010018HCN	HCN	HCN	
65	Phạm Thị Phương Anh	9/3	Quang Trung	26998070148N02	HN	HN	
66	Nguyễn Thanh Trúc	9/3	Quang Trung	27001030051HCN	HCN	HCN	
67	Hà Hoàng Nhật	9/4	Quang Trung	26998050152N02	HN	bán nhà	
68	Phạm Thị Thu Vân	9/4	Quang Trung	26998040016HCN	HCN	HCN	
69	Phạm Phú Cẩm Tiên	9/5	Quang Trung	26998070147N02	HN	HN	
70	Trịnh Tấn Lộc	9/6	Quang Trung	26998070132N02	HN	HCN	
71	Huỳnh Trần Thu Nguyên	9/6	Quang Trung	26998070116N02	HN	HN	
72	Bùi Ngô Thùy Dương	9/7	Quang Trung	26998070118N02	HCN	HN	
73	Nguyễn Thái Công Danh	8/7	Nguyễn Gia Thiều	27004040090HCN	HCN	HCN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
74	Quang Minh Thùy An	9/5	Nguyễn Gia Thiều	26995010011HCN	HCN	HN	
75	Quang Minh Thùy Trang	8/4	Nguyễn Gia Thiều	26995010011HCN	HCN	HN	
76	Ô Mỹ Phương	9/8	Nguyễn Gia Thiều	26995020043HCN	HCN	HN	
77	Lê Hoàn Phi Long	9/9	Nguyễn Gia Thiều	26995020043HCN	HCN	HN	
78	Nguyễn Đăng Bảo Khang	9/3	Nguyễn Gia Thiều	26995060162N02	HN	HN	
79	Nguyễn phạm Trung Hiếu	8/9	Nguyễn Gia Thiều	27004010022HCN	HCN	HCN	
80	Hồ Thiên Phước	8/7	Nguyễn Gia Thiều	26995030083N02	HN	HN	
81	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	6/8	Nguyễn Gia Thiều	26995060205N02	HN	HN	
82	Đào Trần Quốc Tuấn	9/4	Nguyễn Gia Thiều	26995020045HCN	HCN	HCN	
83	Hà Nhật Nam	7/4	Nguyễn Gia Thiều	26995010011N02	HN	HN	
84	Nguyễn Ngọc Khánh	7/10	Nguyễn Gia Thiều	27004080127N02	HN	HN	
85	Trần Ngọc Thảo Sương	8/9	Nguyễn Gia Thiều	27004030057HCN	HCN	HN	
86	Lê Nguyễn Mai Anh	8/10	Nguyễn Gia Thiều	26995030086N02	HN	HN	
87	Phạm Phương Uyên	6/9	Nguyễn Gia Thiều	26995060197HCN	HCN	HCN	
88	Phạm Gia Đạt	9/8	Nguyễn Gia Thiều	26995060197HCN	HCN	HCN	
89	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	9/9	Nguyễn Gia Thiều	26995030074HCN	HCN	HN	
90	Mai Thanh Hoàng	7A7	Ngô Sĩ Liên	26977010015N3A	Nghèo 3A	HN	
91	Mai Thanh Hà	9A4	Ngô Sĩ Liên	26977010015N3A	Nghèo 3A	HN	
92	Nguyễn Anh Tuấn	6A5	Ngô Sĩ Liên	26977010036HCN	HCN	HCN	
93	Lâm Bảo Hân	6A7	Ngô Sĩ Liên	26977010028HCN	HCN	HCN	
94	Lâm Tịnh Vy	6A8	Ngô Sĩ Liên	26977010026HCN	HCN	HCN	
95	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	6A12	Ngô Sĩ Liên	26977010023HCN	HCN	HN	
96	Nguyễn Đoàn Phương Dung	6A14	Ngô Sĩ Liên	26977010009HCN	HCN	HCN	
97	Trần Vũ Anh Duy	6A14	Ngô Sĩ Liên	26977010030HCN	HCN	HCN	
98	Nguyễn Minh Tú	6A14	Ngô Sĩ Liên	26977010033HCN	HCN	HCN	
99	Trần Phạm Huyền Trân	6A14	Ngô Sĩ Liên	2697704066HCN	HCN	HCN	
100	Lâm Tịnh Nhi	7A8	Ngô Sĩ Liên	26977010026HCN	HCN	HCN	
101	Chu Ngọc Minh Phương	9A9	Ngô Sĩ Liên	2697704064HCN	HCN	HCN	
102	Nguyễn Bích Phượng	7A9	Ngô Sĩ Liên	26977030058HCN	HCN	HCN	
103	Nguyễn Trần Thy Khuê	8A2	Ngô Sĩ Liên	26977050079HCN	HCN	HCN	
104	Phạm Thị Yến Nhi	8A4	Ngô Sĩ Liên	26977030057HCN	HCN	HCN	
105	Trần Phạm Trang Thảo	8A7	Ngô Sĩ Liên	26977040066HCN	HCN	HCN	
106	Bùi Hoàng An	8A8	Ngô Sĩ Liên	7976426884130264HCN	quận khác	quận khác	
107	Mai Hoàng Trâm Anh	8A11	Ngô Sĩ Liên	2697705071HCN	HCN	HCN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
108	Lê Phước Đạt	8A11	Ngô Sĩ Liên	26977010007HCN	HCN	HCN	
109	Nguyễn Hồng Đào	9A5	Ngô Sĩ Liên	26977030058HCN	HCN	HCN	
110	Hà Sĩ Phú	6/7	Âu lạc	26989050184N02	HCN	HCN	
111	Võ Thị Mỹ Trang	6/8	Âu lạc	26968030112N02	HN	HN	
112	Trương Minh Hiếu	7/4	Âu lạc	2696803105N02	HN	HN	
113	Nguyễn Phan Hoài Minh Hiếu	7/6	Âu lạc	26968030084N02	HN	HN	
114	Lê Nguyễn Kim Loan	7/4	Âu lạc	2696803006N02	HN	HN	
115	Võ Ngọc Bảo Châu	7/4	Âu lạc	26968060162HCN	HCN	HCN	
116	Nguyễn Minh Đoàn Trang	7/6	Âu lạc	2696806163HCN	HCN	HCN	
117	Nguyễn Minh Nhật	8/5	Âu lạc	26968020029HCN	HCN	HCN	
118	Phan Dương Yến Linh	8/7	Âu lạc	26968030109N02	HN	HN	
119	Dương Nguyên Phương Uyên	8/7	Âu lạc	26968020024N02	HCN	HN	
120	Hà Như Trâm	8/4	Âu lạc	26989050184N02	HCN	HCN	
121	Nguyễn Ngọc Cát Tường	8/2	Âu lạc	26980020057HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
122	Nguyễn Thùy Hoàng Yến	8/8	Âu lạc	2696803006N02	HN	HN	
123	Nguyễn Anh Tuấn	8/8	Âu lạc	2696802003HCN	HCN	HCN	
124	Nguyễn Ngọc Tân	8/4	Âu lạc	26968030066HCN	HCN	HN	
125	Huỳnh Tiên Bảo Ngọc	9/2	Âu lạc	26968030078HCN	HCN	HCN	
126	Đặng Phúc Tường Vy	9/3	Âu lạc	26968050138N02	HN	HN	
127	Trần Văn Hòa	9/6	Âu lạc	26968010002HCN	HCN	HN	
128	Trần Phát Đạt	9/7	Âu lạc	26968030090N02	HN	HN	
129	Trần Trọng Phúc	9/7	Âu lạc	26968030061HCN	HCN	HCN	
130	Trần Trọng Bảo	9/7	Âu lạc	26968030061HCN	HCN	HCN	
131	Võ Thị Mỹ Phương	9/7	Âu lạc	26968030112N02	HN	HN	
132	ĐỒNG ĐỨC MẠNH	7/3	Trần Văn Quang	27004040078N02	HN	HN	
133	NGÔ CẨM PHƯƠNG	7/5	Trần Văn Quang	27004040074N01	HN	HN	
134	PHẠM HỒ XUÂN MAI	6/8	Trần Văn Quang	7676627004010019HCN	HCN	HCN	
135	TRẦN PHÚC HẬU	6/5	Trần Văn Quang	27004040072HCN	HCN	HCN	
136	Nguyễn Minh Tâm	8/9	Võ Văn Tần	26983070044N02	HN	HN	
137	Đặng Công Vinh	6/7	Võ Văn Tần	266983020019N02	HCN	HN	
138	Ngô Trần Bảo Trân	6/8	Võ Văn Tần	26983050033N02	HCN	HCN	
139	Dương Mộng Đài Trang	6/8	Võ Văn Tần	272101915050HCN	quận khác	quận khác	
140	Nguyễn Bá Nhật Minh	6/9	Võ Văn Tần	26983020068HCN	HCN	HN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
141	Nguyễn Trường Phát	9/10	Võ Văn Tần	27004010021N02	HN	HN	
142	Nguyễn Yến Linh	6/4	Võ Văn Tần	26983020016N02	HN	HN	
143	Nguyễn Mạnh Tiến	7/4	Võ Văn Tần	26983020017N02	HN	HN	
144	Hồ Nguyễn Thành Lĩnh	8/11	Võ Văn Tần	26983010003HCN	HCN	HCN	
145	Hồ Thành Quốc Bảo	6/9	Võ Văn Tần	26983010003HCN	HCN	HCN	
146	Nguyễn Vũ Hoàng Yến	6/15	Ngô Quyền	26971010021HCN	HCN	HN	
147	Nguyễn Minh Nhật	6/4	Ngô Quyền	26971020049HCN	HCN	HCN	
148	Dương Trần Nguyên		Ngô Quyền	26971030072HCN	HCN	HN	
149	Phạm Đào Anh Thư	9/7	Ngô Quyền	26971010003HCN	HN	HN	
150	Đinh Nữ Quỳnh Nhi		Ngô Quyền	2697107010018HCN	HCN	HCN	
151	Vũ Thị Thanh Tâm	7/3	Ngô Quyền	27007100070HCN	HCN	HN	
152	Trương Chí Bảo	7/5	Ngô Quyền	27442050369HCN	quận khác	quận khác	
153	Đỗ Huỳnh Thiên Phước	7/10	Ngô Quyền	26971010001HCN	HCN	HCN	
154	Trần Hoàng Tân	8/2	Ngô Quyền	2697101020031HCN	HCN	HCN	
155	Ngô Nam Hải	8/2	Ngô Quyền	26974030019HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
156	Lê Thị Mỹ Hạnh	8/7	Ngô Quyền	26971020038HCN	HCN	HCN	
157	Triệu Thị Thảo	9/3	Ngô Quyền	27004040075N01	HN	HN	
158	Trương Gia Huy	9/3	Ngô Quyền	27004080122N02	HN	HN	
159	Đỗ Huỳnh Bích Liên		Ngô Quyền	26971010001HCN	HCN	HCN	
160	Lê Hoàng An Khang	6/6	Trường Chinh	26971020038HCN	HCN	HCN	
161	Trần Ngọc Anh	6/11	Trường Chinh	26971070108NO2	HCN	HN	
162	Đoàn Chí Nhựt Nam	8/10	Trường Chinh	27004010026HCN	HCN	HCN	
163	Nguyễn Phi Hoàng	8/11	Trường Chinh	27007050034NO2	HCN	HCN	
164	Nguyễn Võ Anh Thư	9/4	Trường Chinh	26971070118HCN	HCN	HN	
165	Trần Hoàng Thiên Dung	9/5	Trường Chinh	26971010006NO2	HN	HCN	
166	Đào Khánh Xuân	9/5	Trường Chinh	26971010005NO2	HN	HN	
167	Lục Ngọc An	9/7	Trường Chinh	27007060038HCN	HCN	HCN	
168	Phan Đình Khôi	9/7	Trường Chinh	26971030085HCN	HCN	HCN	
169	Bùi Thiên Thanh	6/3	Tân Bình	26980030077N02	HN	HN	
170	Phan Phong Phú	6/9	Tân Bình	26980030073N02	HN	HN	
171	Kiều Hồng Oanh	7/2	Tân Bình	26980040086HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
172	Trần Lê Quỳnh Như	7/3	Tân Bình	26980020030HCN	HCN	HN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
173	Phạm Duy Đông	8/4	Tân Bình	26980020057HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
174	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	9/7	Tân Bình	26980020057HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
175	Trần Viết Cảnh	7/2	Tân Bình	26968020025N02	HN	HN	
176	Nguyễn Bảo Hân	8/6	Tân Bình	26968030084N02	HN	HN	
177	Nguyễn Tấn Phát	6/6	Tân Bình	26989040146N02	HN	HN	
178	Vũ Huỳnh Khánh Vy	6/7	Tân Bình	26989020044HCN	HCN	HCN	
179	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	6/8	Tân Bình	26989040160N02	HN	HN	
180	Phan Bá Quốc Vinh	6/8	Tân Bình	26989040153N02	HN	HN	
181	Nguyễn Thị Thùy Trâm	6/9	Tân Bình	26989040157N02	HN	HN	
182	Nguyễn Hoàng Thanh Vân	6/9	Tân Bình	2698901016N02	HN	HN	
183	Trần Hoàng Thúy Dung	7/1	Tân Bình	2698904140N02	HN	HN	
184	Bùi Thành Danh	7/3	Tân Bình	26980020043N02	HN	HN	
185	Nguyễn Đình Hoàng Thiện	7/6	Tân Bình	26989050182N02	HN	HN	
186	Lê Ngọc Tuyết Anh	7/7	Tân Bình	26989050190HCN	HCN	HN	
187	Nguyễn Hoàng Vũ	7/7	Tân Bình	26989040138HCN	HCN	HCN	
188	Phan Vũ Đông Hằng	7/8	Tân Bình	26989040153N02	HN	HN	
189	Nguyễn Xuân Anh Thư	7/9	Tân Bình	26989040161HCN	HCN	HCN	
190	Nguyễn Xuân Hồng Ngân	8/2	Tân Bình	26989040161HCN	HCN	HCN	
191	Vũ Quốc Khánh	9/5	Tân Bình	26989040129HCN	HCN	HCN	
192	Hoàng Ngọc Minh Thúy	9/8	Tân Bình	26989010021N02	HN	HN	
193	Lê Đặng Minh Tân	9/9	Tân Bình	26989030068HCN	HCN	HCN	
194	Huỳnh Anh Tài	9/9	Tân Bình	26989030117HCN	HCN	bán nhà	
195	Văn Công Thắng	9/12	Tân Bình	26989050188HCN	HCN	HCN	
196	Nguyễn Anh Thư	7/8	Tân Bình	26989030120HCN	HCN	HCN	
197	Nguyễn Mạnh Hưng	6/4	Tân Bình	26989030119HCN	HCN	HCN	
198	Nguyễn Hải Đăng	6/2	Tân Bình	26986040097HCN	HCN	HN	
199	Phan Ngọc Phương Thảo	6/3	Tân Bình	26986010020HCN	HCN	HCN	
200	Phạm Phương Quỳnh	6/7	Tân Bình	26986030049N02	HN	HN	
201	Phạm Hoàng Yển	6/8	Tân Bình	26986020027HCN	HCN	HCN	
202	Nguyễn Ngọc Thắng	6/9	Tân Bình	26986020032HCN	HN	HN	
203	Nguyễn Ngọc Tâm Như	6/9	Tân Bình	26986040094N02	HN	HN	
204	Lê Thị Minh Hạnh	6/10	Tân Bình	2698601001HCN	HCN	HN	

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
205	Phạm Hoàng Chiêu Quân	7/4	Tân Bình	26986020030N02	HN	HN	
206	Lê Ngọc Minh Anh	7/5	Tân Bình	26986040089N3A	NGHÈO 3A	HCN	
207	Trần Hào Phát	8/4	Tân Bình	26986030070HCN	HCN	HN	
208	Phạm Nguyễn Minh Thống	8/6	Tân Bình	26986040093N02	HN	HN	
209	Ngô Đặng Kim Dung	8/6	Tân Bình	26986030044HCN	HCN	HN	
210	Lê Thành Đức	9/2	Tân Bình	26986010012HCN	HCN	HN	
211	Trần Bảo Duy	9/6	Tân Bình	26986030053HCN	HCN	HCN	
212	Vũ Trần Ngọc Như	9/8	Tân Bình	26986030039N02	HN	HN	
213	Lưu Chí Thiện	6/1	Tân Bình	26998070144HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
214	Tạ Đỗ Quốc Huy	9/8	Tân Bình	26998040060HCN	HCN	HN	
215	Nguyễn Phi Hùng	7/15	Hoàng Hoa Thám	27007050003N02	HN	HN	
216	Nguyễn Thị Phương Thùy	9/7	Hoàng Hoa Thám	27007030010N02	HCN	HN	
217	Phạm Gia Thanh Trang		Hoàng Hoa Thám	26974020011HCN	HCN	HN	
218	Nguyễn Minh Bảo Trúc		Hoàng Hoa Thám	26974010007HCN	HCN	HN	
219	Nguyễn Hoàng Quỳnh Hương		Hoàng Hoa Thám	26974010007HCN	HCN	HN	
220	Triệu Tấn Phát		Hoàng Hoa Thám	27007050025HCN	HCN	Không còn nằm trong hộ nghèo	
221	Nguyễn Thị Thu Thảo		Hoàng Hoa Thám	27004010023HCN	HCN	HN	

TRƯỞNG PHÒNG LĐTB&XH



Đoàn Văn Đức

Ngày 04 tháng 02 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG GD & ĐT



Trần Khắc Huy